

DANH SÁCH HỌC VIÊN ĐẠT CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH TRÌNH ĐỘ A - Kỳ kiểm tra: 14/6/2015
(Kèm theo quyết định số/QĐ-LTT ngày...../...../2015 về việc cấp chứng chỉ tiếng Anh trình độ A)

TT	Số báo danh	MSHS-SV	Họ tên thí sinh	Ngày sinh	Nơi sinh	Trung bình	Xếp loại
1	AK2078	13B2020002	Nguyễn Trường Ân	01.01.93	Cần Thơ	5.0	Trung bình
2	AK2040	13B2050001	Tạ Thị Ngọc Ánh	13.06.94	Đồng Nai	5.0	Trung bình
3	AK2041	13B2050002	Nguyễn Thị Kim Báu	09.02.95	Bình Định	5.0	Trung bình
4	AK2055	13B2250004	Hà Huy Bình	09.10.93	Hà Tĩnh	5.0	Trung bình
5	AK2002	13B3080002	Lâm Thanh Bình	27.03.94	Tp.Hồ Chí Minh	5.0	Trung bình
6	AK2036	13B3150002	Nguyễn Thanh Bình	15.01.89	Phú Yên	5.0	Trung bình
7	AK2004	13B3080005	Dương Hữu Công	21.07.93	Bình Thuận	5.0	Trung bình
8	AK2056	13B2250008	Hoàng Trọng Cương	03.06.91	Nghệ An	7.5	Khá
9	AK2001	13B2040005	Lâm Minh Cường	19.09.95	Bình Định	5.0	Trung bình
10	AK2006	13B3080007	Nguyễn Văn Cường	16.09.90	Thái Nguyên	5.0	Trung bình
11	AK2058	13B2250016	Trương Văn Đại	05.07.95	Bình Định	7.0	Khá
12	AK2060	13B2250010	Mai Công Danh	26.06.95	Tây Ninh	5.5	Trung bình
13	AK2007	13B3080019	Phạm Văn Được	27.02.95	Quảng Ngãi	5.0	Trung bình
14	AK2080	12B2020004	Huỳnh Văn Dương	16.06.94	Phú Yên	5.5	Trung bình
15	AK2008	13B3080012	Võ Hồng Dương	19.03.92	Đồng Nai	5.5	Trung bình
16	AK2077	13B2250014	Hồng Đình Duy	25.11.94	Tp.Hồ Chí Minh	6.5	Trung bình
17	AK2043	13B2050004	Lê Thị Thu Hiền	07.06.88	Bình Thuận	6.0	Trung bình
18	AK2062	13B2250024	Nguyễn Công Hiệp	20.06.94	Tây Ninh	6.0	Trung bình
19	AK2063	13B2250027	Nguyễn Minh Hoàng	20.11.94	Bình Thuận	6.5	Trung bình
20	AK2009	13B3080025	Hoàng Duy Hoi	28.08.91	Bắc Giang	5.0	Trung bình
21	AK2044	13B2050006	Phạm Thị Huế	05.03.94	Hưng Yên	7.0	Khá
22	AK2045	13B2050005	Huỳnh Thị Huệ	10.01.94	Thừa Thiên Huế	7.0	Khá
23	AK2038	13B3150008	Trần Đức Huệ	01.05.93	Nghệ An	5.5	Trung bình
24	AK2064	13B2250028	Mai Văn Hưng	10.05.95	Đắk Lắk	5.0	Trung bình
25	AK2010	13B3080029	Hồ Gia Huy	17.12.93	Long An	5.0	Trung bình

TT	Số báo danh	MSHS-SV	Họ tên thí sinh		Ngày sinh	Nơi sinh	Trung bình	Xếp loại
26	AK2011	13B3080031	Phùng Xương	Huy	29.09.95	Đồng Nai	6.0	Trung bình
27	AK2046	13B2050008	Lê Thị Ngọc	Huyền	10.01.94	An Giang	6.5	Trung bình
28	AK2012	13B3080034	Lê Quang	Kính	27.01.94	Vũng Tàu	5.0	Trung bình
29	AK2047	13B2050028	Võ Kim	Lài	09.07.94	Cà Mau	6.5	Trung bình
30	AK2013	13B3080036	Trần Trung	Lâm	21.04.95	Khánh Hòa	5.5	Trung bình
31	AK2081	13B2020049	Nguyễn Duy	Liêm	10.06.95	Phú Yên	5.5	Trung bình
32	AK2067	13B2250038	Bùi Ngọc	Liên	02.03.94	Bình Định	6.0	Trung bình
33	AK2014	13B3080039	Hoàng Ngọc	Linh	06.11.95	Thái Bình	6.0	Trung bình
34	AK2048	13B2050009	Nguyễn Thị Ái	Linh	08.11.94	Đồng Nai	6.5	Trung bình
35	AK2068	13B2250041	Tsần Trần	Long	22.01.95	Đồng Nai	6.0	Trung bình
36	AK2015	13B3080046	Huỳnh Trung	Ngãi	27.10.95	Quảng Ngãi	5.0	Trung bình
37	AK2016	13B3080049	Đào Văn	Phấn	24.09.95	Quảng Ngãi	5.5	Trung bình
38	AK2017	13B3080051	Ngô Hoài	Phong	02.09.92	Tp.Hồ Chí Minh	5.5	Trung bình
39	AK2018	13B3080090	Nguyễn Văn	Phong	07.02.95	Bình Thuận	6.0	Trung bình
40	AK2083	13B2050022	Nguyễn Anh	Phương	08.02.91	Tây Ninh	9.0	Giỏi
41	AK2019	13B3080055	Nguyễn Minh	Phương	16.10.94	Tp.Hồ Chí Minh	5.5	Trung bình
42	AK2049	13B2050013	Nguyễn Thị	Phượng	01.07.92	Thừa Thiên Huế	6.5	Trung bình
43	AK2020	13B3080058	Nguyễn Hoàng	Quân	09.03.94	Tp.Hồ Chí Minh	5.5	Trung bình
44	AK2070	13B2250093	Nguyễn Phước	Quang	20.08.95	Quảng Ngãi	6.0	Trung bình
45	AK2021	13B3080060	Nguyễn Minh	Quy	30.05.94	Đồng Nai	5.0	Trung bình
46	AK2022	13B3080061	Nguyễn Văn	Quý	07.04.92	Đắk Lắk	5.0	Trung bình
47	AK2084	13B2020041	Phùng Mạnh	Tấn	01.06.94	Bình Định	5.5	Trung bình
48	AK2085	13B2020061	Ngô Quốc	Thái	23.08.91	Tp.Hồ Chí Minh	6.0	Trung bình
49	AK2072	13B2250070	Trịnh Hồng	Thái	08.07.95	Lâm Đồng	5.5	Trung bình
50	AK2024	13B3080066	Nguyễn Đức	Thắng	03.03.95	Thanh Hóa	5.5	Trung bình
51	AK2073	13B2250107	Trần Quốc	Thắng	25.05.90	Đồng Nai	6.0	Trung bình
52	AK2025	13B3080094	Nguyễn Tuấn	Thanh	15.07.93	Tp.Hồ Chí Minh	5.0	Trung bình
53	AK2026	13B3080069	Võ Thiện	Thành	02.07.91	Quảng Nam	6.5	Trung bình
54	AK2075	13B2250074	Bùi Vũ	Thị	07.09.94	Lâm Đồng	6.5	Trung bình
55	AK2076	13B2250076	Nguyễn Đức	Thịnh	05.10.94	Gia Lai	6.5	Trung bình
56	AK2051	13B2020026	Lê Ngọc Trí	Toàn	09.09.94	Tp.Hồ Chí Minh	7.5	Khá
57	AK2086	13B2020028	Nguyễn Minh	Trí	23.09.94	Khánh Hòa	6.5	Trung bình
58	AK2031	13B3080082	Phan Minh	Trí	10.12.95	Bình Thuận	6.0	Trung bình
59	AK2032	13B3080083	Nguyễn Tứ	Tuân	25.12.88	Thanh Hóa	5.5	Trung bình

TT	Số báo danh	MSHS-SV	Họ tên thí sinh	Ngày sinh	Nơi sinh	Trung bình	Xếp loại
60	AK2052	13B2050020	Huỳnh Thị Thanh Tuyền	19.12.95	Quảng Ngãi	6.0	Trung bình
61	AK2053	13B2050021	Nguyễn Thị Tuyệt	1994	Đồng Nai	6.5	Trung bình
62	AK2054	13B2050027	Lê Thị Bích Vân	06.08.95	Quảng Ngãi	8.0	Giỏi

Tổng cộng danh sách có 62 học viên đạt

thị trấn Hồ Chí Minh, ngày tháng năm :

HIỆU TRƯỞNG